

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27-9-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Vương và bà Hoàng Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Som – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa: Ông Tòng Văn Thúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐ-ST ngày 18/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐ-ST ngày 15/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên.

Nguyên đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1988;

Bị đơn: Chị Phan Thị H1, sinh năm 1993;

Đều cư trú tại: Khu..... thị trấn T, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank).

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Ngọc Kh: Bà Vũ Thị M – Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. (Theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch HĐTV Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam).

Bà Vũ Thị M - ủy quyền cho ông Hoàng Văn L là Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh, theo giấy ủy quyền ngày 20/11/2020 (*có mặt tại phiên tòa*).

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

2. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; Đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T là ông Hoàng Văn Th – Chức vụ: Phó giám đốc theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng ngày 18/10/2019. (*có mặt tại phiên tòa*)

3. Anh Lê Văn H2; sinh năm: 1991 đồng thời là đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Mỹ H3, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Khu..... thị trấn T, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (*có mặt tại phiên tòa*).

4. Chị Nguyễn Thị Ph; sinh năm: 1990; Địa chỉ: Khu..... thị trấn T, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Luật sư ông Phạm Quang B và ông Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Ph; địa chỉ: Phòng 1809 Tòa 27A2 Green Stars, số 234 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội (*Có đơn xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 8 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1 tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2011 tại UBND thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn anh chị làm ăn sinh sống tại Khu..... thị trấn T, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị H1 tự ý vay làm ăn bên ngoài số tiền quá lớn để đầu tư làm ăn mà không bàn bạc thống nhất với anh H dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mặc dù anh chị đã tìm mọi biện pháp để khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, vì vậy, anh H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Phan Thị H1.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh H và chị H1 có hai con chung chưa thành niên là cháu Lê Bảo A, sinh ngày 23/11/2013 và cháu Lê Thảo V, sinh ngày 10/7/2017. Khi ly hôn, anh H có yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lê Bảo A cho đến khi cháu A thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động; chị Phan Thị H1 sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lê Thảo V, sinh ngày 10/7/2017, cho đến khi cháu V thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh H và chị H1 không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo đơn khởi kiện anh H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn gồm:

Về tài sản chung:

+ 01 mảnh đất có diện tích 80m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 24 có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986157 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/3/2014.

+ 01 mảnh đất có diện tích 151,7m² thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 24 và tài sản gắn liền với đất là Nhà xây 02 tầng có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986536 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/5/2015.

+ 01 xe máy SH biển kiểm soát 25T1-122.21 mang tên Phan Thị H1.

Về nợ chung gồm:

+ Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Than Uyên số tiền 860.000.000 đồng thời điểm hiện tại theo Hợp đồng tín dụng năm 2019.

+ Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Than Uyên số tiền 50.000.000 đồng thời điểm hiện tại theo Hợp đồng tín dụng năm 2019.

+ Nợ anh Lê Văn H2 và chị Nguyễn Mỹ H3 số tiền là 1.890.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng*).

Tổng số công nợ chung của anh H và chị H1 là 2.800.000.000 đ (*Hai tỷ tám trăm triệu đồng chẵn*).

Theo yêu cầu của anh H thì 01 mảnh đất có diện tích 80m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 24 có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986157 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/3/2014 sẽ sang tên đổi trừ khoản nợ cho anh Lê Văn H2 và chị Nguyễn Mỹ H3 số tiền 1.890.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng*).

01 mảnh đất có diện tích 151,7m² thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 24 và tài sản gắn liền với đất là Nhà xây 02 tầng có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986536 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/5/2015, anh đề nghị được quyền sở hữu và anh sẽ có trách nhiệm tiếp tục trả nợ theo hợp đồng vay với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Than Uyên và Ngân hàng chính sách xã hội huyện Than Uyên.

Chiếc xe máy SH biển kiểm soát 25T1-122.21 mang tên Phan Thị H1 thì bán đi để trả nợ chung.

Trong nhà còn một số đồ dùng sinh hoạt gia đình có trị giá không đáng kể nên anh không đưa vào yêu cầu giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện anh H đã nộp cho Tòa án: Đăng ký kết hôn (bản chính), Giấy khai sinh của các con Lê Bảo A và cháu Lê Thảo V; sổ hộ khẩu mang tên Lê Văn H; chứng minh thư nhân dân (*bản photocopy*) và các giấy tờ khác có liên quan đến yêu cầu giải quyết của anh, việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng bị đơn chị Phan Thị H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian sống chung và đăng ký kết hôn như anh H trình bày là đúng. Chị H1 và anh H khi lấy nhau thì chị H1 chưa có nghề nghiệp gì. Năm 2014, chị đi học Trung cấp mầm non, tiền cho chị ăn học và nuôi con đều do anh H chu cấp, đến năm 2016, chị học xong và đi làm tại trường mầm non xã Mường Kim, Than Uyên. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì chị tự ý đầu tư làm ăn bên ngoài dẫn đến không có khả năng trả nợ, mâu thuẫn về kinh tế cộng áp lực bên ngoài, anh H làm đơn đề nghị ly hôn, chị cũng mong muốn tòa án hòa giải đoàn tụ vợ chồng, nếu anh H kiên quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: chị H1 công nhận chị và anh H có 02 con chung như anh H đã trình bày. Hai vợ chồng chị cũng đã thống nhất nếu ly hôn thì anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lê Bảo A cho đến khi cháu Anh thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động còn chị H1 sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lê Thảo V, sinh ngày 10/7/2017, cho đến khi cháu V thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh H và chị H1 không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Phan Thị H1 cũng công nhận những trình bày của anh H về tài sản và công nợ trên là đúng và thống nhất một phần theo yêu cầu của anh H đưa ra đó là: mảnh đất 80m² sẽ sang tên cho vợ chồng anh H2, chị H3 để đối trừ khoản nợ 1.890.000.000 đồng; còn 01 căn nhà 02 tầng trên mảnh đất 151,7m² và chiếc xe máy định giá để trả nợ hết nợ chung, còn lại sẽ chia đôi để chị trả nợ các món vay riêng bên ngoài của chị. Ngoài ra, trong nhà còn một số đồ dùng sinh hoạt chị không đề nghị giải quyết. Chị cũng thừa nhận chị có vay bên ngoài nhiều khoản tiền và hiện đang có nghĩa vụ phải thi hành án đối với chị Nguyễn Thị Ph với số tiền nợ là 2.177.000.000 (*Hai tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu đồng*).

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Năm 2019, căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 7805LAV201900601 ngày 01/4/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 7805LCL201900205 ngày 01/4/2019 giữa anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1 và Phòng giao dịch ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Than Uyên xác định anh H, chị H1 vay

của Ngân hàng là 1.700.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn*) vào năm 2019, dư nợ đến ngày 01/10/2020 là 860.000.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi triệu đồng chẵn*). Tài sản thế chấp gồm: quyền sử dụng đất số BP 986157, diện tích là 80m² tại thửa số 65; tờ bản đồ số 24 mang tên anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên cấp ngày 11/3/2014 (hiện nay anh H, chị H1 không còn thế chấp tại Ngân hàng); đối với Quyền sử dụng đất số BP 986536 do UBND huyện Than Uyên cấp ngày 11/5/2015 tại thửa đất số 111; tờ bản đồ số 24; diện tích 151,7m² và tài sản gắn liền với đất là một ngôi nhà xây hai tầng hiện đang thế chấp tại ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không có yêu cầu độc lập, tuy nhiên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên giải quyết: trách nhiệm của anh H, chị H1 khi ly hôn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ khoản dư nợ còn lại là 860.000.000 đồng và khoản lãi phát sinh đối với số nợ trên (*nếu có*).

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Lê Văn H2 đồng thời là đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Mỹ H3 (là vợ của anh H2) trình bày:

Anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1 có vay tiền của vợ chồng anh H2 với tổng số tiền là 1.890.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm chín mươi triệu đồng*) cụ thể: ngày 25/11/2019, vợ chồng anh H, chị H1 vay vợ chồng anh số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) với hình thức giao dịch bằng tiền mặt; lần thứ 2 vào ngày 07/4/2020 vợ chồng anh H, chị H1 tiếp tục vay anh H2 tổng số tiền 390.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu đồng*) giao dịch tại Ngân hàng Nông nghiệp, phát triển nông thôn chi nhánh Than Uyên để trả vào khoản nợ 1.700.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn*); lần thứ 3 vào ngày 13/4/2020, vợ chồng anh H chị H1 tiếp tục vay anh H2 số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) giao dịch tại NHNN phát triển nông thôn bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp cho anh H để anh H trả vào khoản nợ 1.700.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn*), để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 986157, diện tích là 80m² tại thửa số 65; tờ bản đồ số 24 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên cấp ngày 11/3/2014 để chuyển nhượng lại cho vợ chồng anh H2, còn nợ lại bao nhiêu thì anh H2 để cho anh H chị H1 trả dần. Những lần vay mượn trên, vì là anh em ruột nên chúng tôi chỉ thỏa thuận thời gian vay, còn không tính lãi. Hiện nay, vợ chồng anh chị H H1 ly hôn, anh H2 không có yêu cầu độc lập nhưng có ý kiến yêu cầu anh H, chị H1 phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền trên cho anh H2, chị H3.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Than Uyên trình bày:

Năm 2019, căn cứ theo sổ vay vốn số 7090151137 ngày 23/01/2019 giữa anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1 tại Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Than Uyên xác định anh H, chị H1 vay của Ngân hàng là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*) vào năm 2019, dư nợ đến ngày 21/11/2020 là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*). Vì vậy, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Than Uyên không có yêu cầu độc lập, tuy nhiên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên giải quyết: trách nhiệm của anh H,

chị H1 khi ly hôn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ khoản dư nợ còn lại là 50.000.000 đồng và khoản lãi phát sinh đối với số nợ trên.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Ph ủy quyền tham gia tố tụng giải quyết vụ án tại Tòa án có Luật sư, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ph là ông Phạm Quang B và ông Nguyễn Văn T thống nhất ý kiến và trình bày của chị Nguyễn Thị Ph:

Theo quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 191/QĐ-CCTHADS ngày 22/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu thì chị Phan Thị H1 phải có nghĩa vụ thi hành án số tiền 2.177.000.000 đồng (*Hai tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn*) theo quyết định số 04/2020/QĐST-DS ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chị Ph là người được thi hành án, hiện nay chị đang có yêu cầu thi hành án và chị có ý kiến yêu cầu chị H1 phải có nghĩa vụ thi hành khoản tiền phải thi hành án nêu trên theo quy định. Đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên giải quyết đảm bảo được quyền và lợi ích của người được thi hành án.

Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, thành lập hội đồng định giá tài sản theo yêu cầu của đương sự do các đương sự trong vụ án không thống nhất được giá trị khối tài sản chung.

Ngày 05/02/2021, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã ra công văn số 01/CV-TA gửi Phòng Tài chính kế hoạch huyện Than Uyên, Lai Châu đề nghị cử người tham gia Hội đồng định giá. Ngày 09/02/2021, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do cần đợi kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá thì mới giải quyết được vụ án. Đến ngày 26/02/2021, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã thành lập Hội đồng định giá. Ngày 26/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên nhận được kết quả định giá của Hội đồng định giá huyện Than Uyên có kết quả như sau:

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định:

+ Đất ở: Chiều rộng phía Nam giáp mặt đường dân sinh là 10m; Phía Đông giáp đất nhà chị Lê Thị H3 có chiều dài là 16,25m; độ dài cạnh phía Tây giáp nhà ông Lê Văn Hiền lần lượt là 14,9m và 1,62m; độ dài cạnh phía bắc giáp nhà ông Đỗ Phi Long lần lượt là 6,67m và 3,34m (*Có sơ đồ kèm theo*); Tổng diện tích đất là 151,7m², tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 24 đất có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986536 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/5/2015 trị giá đất là 539.873.600 đồng.

+ Nhà ở: trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 3; 02 tầng, khung chịu lực, nhà riêng lẻ; kết cấu khung cột BTCT chịu lực; tường xây 220 gạch chỉ; mái bằng BTCT; móng bang giao thoa; chất lượng hoàn thiện bên trong và ngoài ở mức độ cao, chiều cao nhà từ 3,6m trở lên. Có đầy đủ phòng ăn, phòng khách, phòng ngủ, có khu WC riêng biệt, thiết bị lắp đồng bộ. tường trong ngoài lu sơn. Nền lát đá Granít hoặc gạch liên doanh cao cấp; Hệ thống điện chiếu sáng hoàn chỉnh; Hệ thống cầu thang ốp lát đá tự nhiên, lan can vịn tay hoàn chỉnh; Cửa gỗ, hoa sắt hoàn chỉnh. Tổng giá trị nhà xây 02 tầng có trị giá là 761.103.000 đồng.

+01 mảnh đất có diện tích 80m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 24 có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986157 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/3/2014 có trị giá là 455.229.840 đồng.

Tổng giá trị nhà và đất là 1.756.206.440 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu hai trăm linh sáu nghìn bốn trăm bốn mươi đồng).

Vụ án tiếp tục được Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đưa vào giải quyết ngày 06/5/2021, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên nhận được đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ph đề nghị định giá lại khối tài sản chung vì chị cho rằng kết quả định giá của Hội đồng định giá không phù hợp với giá thị trường tại thời điểm định giá. Tòa án đã ra thông báo đề nghị chị Ph cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ để Tòa án làm căn cứ định giá lại theo yêu cầu của chị. Đến ngày 12/6/2021, Tòa án đã ra công văn gửi Phòng tài chính kế hoạch công văn định giá lại tài sản và các tài liệu chứng cứ kèm theo.

Ngày 14/6/2021, Phòng tài chính kế hoạch huyện Than Uyên đã có văn bản trả lời về việc yêu cầu định giá lại của chị Nguyễn Thị Ph. Đến ngày 06/7/2021, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên mở phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị Ph và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Ph vắng mặt. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự có mặt đã thống nhất được các vấn đề sau:

Nguyên đơn anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1 đã thống nhất khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh chị bao gồm nhà và 02 mảnh đất theo giá trị mà Hội đồng định giá đưa ra là thấp và sẽ anh H đến quyền và lợi ích của chị H1. Do đó, anh chị cùng đưa ra giá trị chung của khối tài sản chung là 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng); 01 chiếc xe mô tô trị giá 40.000.000 đồng.

Về quan hệ hôn nhân anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1 thuận tình ly hôn.

Về con chung, tài sản và công nợ chung, anh Lê Văn H vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày: anh đề nghị được sở hữu toàn bộ tài sản và anh nhận trách nhiệm trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng mà theo anh kê khai là 2.800.000.000 đ (Hai tỷ tám trăm triệu đồng) vay để làm nhà, làm ăn buôn bán, mua xe ô tô thời kỳ anh chị còn hạnh phúc. Anh chỉ đồng ý cho chị H1 sở hữu

01 chiếc xe mô tô mang tên chị H1 để làm Ph tiện đi lại (*đay học*). Số tài sản chung và số nợ sau khi đối trừ còn bao nhiêu thì sẽ chia đôi.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt thống nhất toàn bộ nội dung vụ án.

Theo quy định, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã thông báo kết quả phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho thành phần vắng mặt là đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Ph. Sau khi nhận được thông báo chị Ph đã gửi ý kiến bằng văn bản đến Tòa án nhân dân huyện Than Uyên với nội dung như sau:

Thứ nhất: Về giá trị tài sản chung theo ý kiến chị Ph đồng ý với giá mà anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1 đưa ra là 2.700.000.000 đồng (*Hai tỷ bảy trăm triệu đồng*) trong đó: 01 mảnh đất có diện tích 80m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 24 có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986157 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/3/2014 có giá trị là 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*). Kèm theo là văn bản rút lại yêu cầu định giá lại tài sản đề ngày 20/7/2021.

01 mảnh đất có diện tích 151,7m² thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 24 và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà xây 02 tầng có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986536 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/5/2015 có giá trị là 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*).

Thứ hai: đại diện theo ủy quyền của chị Ph không đồng ý việc tự thỏa thuận phân chia tài sản giữa anh H và chị H1 trong biên bản hòa giải do Tòa án nhân dân huyện Than Uyên lập ngày 06/7/2021 vì chị cho rằng việc thỏa thuận đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị. Do vậy, đề nghị Tòa án không công nhận việc thỏa thuận của các đương sự và đề nghị được mua lại số tài sản chung của anh H, chị H1 và chị sẽ có trách nhiệm thanh toán số chênh lệch khoản nợ mà chị H1 đang phải có trách nhiệm thi hành án đối với chị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tiến hành đầy đủ các biện pháp thu thập tài liệu chứng cứ và để thời gian cho các bên hòa giải, tuy nhiên đến thời điểm hòa giải lần thứ hai mặc dù các bên đương sự có mặt thống nhất toàn bộ nội dung vụ án, nhưng chị Nguyễn Thị Ph là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có văn bản chuyển đến tòa án huyện Than Uyên với nội dung nêu trên. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh H, chị H1 về tài sản và công nợ chung ảnh hưởng đến nghĩa vụ thực hiện thi hành án của chị H1 theo quyết định đã có hiệu lực đối với chị Ph. Do đó, Tòa án không có căn cứ để ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Vì vậy, căn cứ vào các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình và các văn bản hiện hành, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, anh Lê Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về tài sản với chị Phan Thị H1.

Anh Lê Văn H vẫn giữ nguyên quan điểm của mình về việc phân chia tài sản và công nợ chung như ban đầu và trong phiên hòa giải, bị đơn chị Phan Thị H1 cũng nhất trí theo quan điểm anh H đưa ra.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ph có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Phạm Quang B và ông Nguyễn Văn T, quá trình tham gia tố tụng chị Ph ủy quyền cho ông Biên và ông Tú tham gia tố tụng tại Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, ông Biên và ông Tú vắng mặt có lý do và trong luận cứ bảo vệ gửi đến Hội đồng xét xử với nội dung như sau:

+ Không chấp nhận việc xác định khoản nợ chung của anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1 đối với anh Lê Văn H2 và chị Nguyễn Mỹ H3.

+ Không chấp nhận việc tự ý thỏa thuận thanh toán nợ chung và phân chia tài sản chung khi ly hôn của anh H và chị H1.

+ Ghi nhận các khoản nợ chung và nợ riêng của anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1 và không phán quyết thanh toán các khoản nợ trước khi chia tài sản chung.

+ Tiến hành chia tài sản chung vợ chồng anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1 một cách công bằng, khách quan dựa trên công sức đóng góp của các bên theo đúng quy định của pháp luật và không phán quyết việc ưu tiên thanh toán nợ chung trước khi thanh toán nợ riêng.

Quá trình tranh luận lại những ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên thì anh H, chị H1, anh H2 đều không nhất trí theo các nội dung mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Ph nêu ra và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định trên cơ sở các tài liệu chứng cứ các đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập.

Sau khi tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, **Thư ký phiên tòa** đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Đương sự trong vụ án từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, 227, 262 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 27; 33; 35; 37; 51; 53; 54; 55; 57; 58; 59; 62; 63; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1.

Về quan hệ con chung: Giao cho anh Lê Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lê Bảo A, sinh ngày 23/11/2013 cho đến khi cháu Bảo Anh thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Giao cho chị Phan Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lê Thảo V, sinh ngày 10/7/2017 cho đến khi cháu V thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh H, chị H1 không có yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H, chị H1 cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung:

Giao cho anh Lê Văn H được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản: 01 mảnh đất có diện tích 151,7m² thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 24 và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà xây 02 tầng có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986536 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/5/2015 có giá trị là 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*).

Giao cho chị Phan Thị H1 được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản như sau: 01 mảnh đất có diện tích 80m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 24 có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986157 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/3/2014 có tứ cận như sau: Phía Đông, Phía Bắc giáp hộ ông Lê Văn Hiền; Phía Tây Giáp đường Quốc lộ 32; Phía Nam giáp hộ anh Lê Văn H2 có trị giá là 1.200.000.000 đồng. trên đất không có tài sản gì; 01 xe máy SH biển kiểm soát 25T1-122.21 mang tên Phan Thị H1 có trị giá là 40.000.000 đồng.

Về công nợ chung:

Giao cho anh Lê Văn H có nghĩa vụ trả khoản vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Than Uyên số tiền tính đến thời điểm xét xử là 860.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh.

Giao cho anh Lê Văn H có nghĩa vụ trả khoản vay tại Ngân hàng Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Than Uyên số tiền là 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh.

Giao cho anh Lê Văn H có nghĩa vụ trả khoản vay cho vợ chồng anh Lê Văn H2 số tiền tính đến thời điểm xét xử là 500.000.000 đồng tiền gốc do anh H2 không yêu cầu tiền lãi đối với vợ chồng anh chị.

Giao cho chị Phan Thị H1 có nghĩa vụ trả khoản vay cho vợ chồng anh Lê Văn H2 số tiền tính đến thời điểm xét xử là 1.390.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng*) tiền gốc do anh H2 không yêu cầu tiền lãi đối với vợ chồng anh chị.

Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là chị Phan Thị H1, trú tại Khu 7, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, đăng ký kết hôn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1 chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2011 tại UBND thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H1 là hôn nhân hợp pháp. Anh H, chị H1 đều công nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chị H1 tự ý đầu tư làm ăn mà không bàn bạc với anh H rồi dẫn đến sa sút về kinh tế từ đầu năm 2019, không có khả năng trả nợ. Mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị H1. Hội đồng xét xử nhận định, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là xuất phát từ kinh tế dẫn tới tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn, từ đó mà các bên đã không còn điều kiện để thực hiện nghĩa vụ vợ chồng như yêu thương tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Để ổn định cuộc sống cũng như công việc làm ăn, anh H làm đơn đề nghị ly hôn chị H1, quá trình hòa giải anh chị thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa anh H và chị H1 là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55 – Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh H và chị H1 đều xác nhận có hai con chung chưa thành niên là cháu Lê Bảo A, sinh ngày 23/11/2013 và cháu Lê Thảo V, sinh ngày 10/7/2017. Khi ly hôn, anh H có yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lê Bảo A cho đến khi cháu Anh thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động; chị Phan Thị H1 sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lê Thảo V, sinh ngày 10/7/2017, cho đến khi cháu V

thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và xét nguyện vọng của cháu Bảo Anh là muốn ở cùng với bố là anh H, đồng thời, anh chị cũng thỏa thuận chị H1 sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh chị đã đảm bảo được điều kiện chăm sóc phát triển mọi mặt cũng như nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do anh H và chị H1 không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi các bên có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

[2.3] Về xác định tài sản và công nợ chung: Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1 cùng thừa nhận có những tài sản chung bao gồm:

+ 01 mảnh đất có diện tích 80m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 24 có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986157 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/3/2014.

+ 01 mảnh đất có diện tích 151,7m² thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 24 và tài sản gắn liền với đất là Nhà xây 02 tầng có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986536 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/5/2015.

+ 01 xe máy SH biển kiểm soát 25T1-122.21 mang tên Phan Thị H1.

Sau khi có kết quả của Hội đồng định giá huyện Than Uyên, tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ ngày 06/7/2021, anh H thấy rằng anh không có ý kiến gì về quy trình thủ tục thực hiện việc định giá, tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích cho chị H1 thì anh H, chị H1 cùng thống nhất giá trị khối tài sản chung của vợ chồng anh chị nêu trên là 2.740.000.000 đ (*Hai tỷ bảy trăm bốn mươi triệu đồng*) cụ thể:

- 01 mảnh đất có diện tích 80m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 24 có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986157 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/3/2014 trị giá là 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng chẵn*).

- 01 mảnh đất có diện tích 151,7m² thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 24 và tài sản gắn liền với đất là Nhà xây 02 tầng có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986536 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/5/2015 trị giá là 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*).

- 01 xe máy SH biển kiểm soát 25T1-122.21 trị giá là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng chẵn*).

Đồng thời, những người có quyền lợi liên quan cũng nhất trí với giá trị khối tài sản chung của anh H, chị H1 đưa ra, việc thỏa thuận phù hợp, tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận giá trị nêu trên để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Xét về quá trình hình thành khối tài sản chung và đóng góp công sức duy trì của mỗi người, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về nguồn gốc 02 mảnh đất: anh H, chị H1 kết hôn với nhau năm 2011, đến năm 2013 được ông Lê Văn Hiền và bà Đào Thị Tuyết (là bố mẹ đẻ của anh H) chuyển nhượng trên cơ sở hợp đồng tặng cho anh H, chị H1, năm 2014 và 2015, anh H, chị H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, việc tặng cho và quy trình thực hiện thủ tục cấp đất là hợp pháp, ông Hiền, bà Tuyết, anh H không có ý kiến gì về tài sản chung này. *(Có hồ sơ kèm theo).*

Về công sức đóng góp của mỗi người trong việc hình thành khối tài sản chung vợ chồng. Theo quy định tại điều 29 Luật hôn nhân gia đình thì vợ chồng có quyền bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung. Thời gian chị H1 đi học và sinh con theo quy định được tính là lao động có thu nhập tương đương với thu nhập của anh H trong thời gian đó. Việc duy trì, tạo lập khối tài sản chung như hiện nay thì thấy rằng anh H là người có công sức hơn chị H1. Hơn nữa, anh chị đều thống nhất các tài sản hiện tại đang còn. Do đó, có cơ sở để khẳng định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh H, chị H1 có tổng trị giá là 2.740.000.000 đ *(Hai tỷ bảy trăm bốn mươi triệu đồng).*

Mặc dù, anh chị đã thống nhất được việc phân chia tài sản chung và công nợ chung là anh H sẽ sở hữu toàn bộ nhà đất và có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ chung, chị H1 sở hữu 01 chiếc xe mô tô mang tên chị để làm Ph tiện đi làm. Song Hội đồng xét xử thấy rằng: việc thỏa thuận nêu trên đã vi phạm vào khoản 2 Điều 42 – Luật hôn nhân và gia đình và không phù hợp với nguyên tắc phân chia tài sản chung vì chị H1 đang phải có nghĩa vụ thi hành án khoản tiền nghĩa vụ riêng của chị, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của người được thi hành án là chị Nguyễn Thị Ph nên không chấp nhận, đây cũng là luận cứ bảo vệ do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Ph đưa ra và Hội đồng xét xử chấp nhận luận cứ này. Theo đó, Hội đồng xét xử thấy cần chia tài sản cho các đương sự như sau:

+ Giao cho anh Lê Văn H được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản như sau:

- Đất ở: Chiều rộng phía Nam giáp mặt đường dân sinh là 10m; Phía Đông giáp đất nhà chị Lê Thị H3 có chiều dài là 16,25m; độ dài cạnh phía Tây giáp nhà ông Lê Văn Hiền lần lượt là 14,9m và 1,62m; độ dài cạnh phía bắc giáp nhà ông Đỗ Phi Long lần lượt là 6,67m và 3,34m *(Có sơ đồ kèm theo)*; Tổng diện tích đất là 151,7m², tại thửa số 111, tờ bản đồ số 24 đất có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986536 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/5/2015.

- Nhà ở: trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 3; 02 tầng, khung chịu lực, nhà riêng lẻ; kết cấu khung cột BTCT chịu lực; tường xây 220 gạch chỉ; mái bằng BTCT; móng bang giao thoa; chất lượng hoàn thiện bên trong và ngoài ở mức

độ cao, chiều cao nhà từ 3,6m trở lên. Có đầy đủ phòng ăn, phòng khách, phòng ngủ, có khu WC riêng biệt, thiết bị lắp đồng bộ. tường trong ngoài lu sơn. Nền lát đá Granít hoặc gạch liên doanh cao cấp; Hệ thống điện chiếu sáng hoàn chỉnh; Hệ thống cầu thang ốp lát đá tự nhiên, lan can vịn tay hoàn chỉnh; Cửa gỗ, hoa sắt hoàn chỉnh.

Tổng giá trị đất ở và nhà xây 02 tầng có trị giá là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

+ Giao cho chị Phan Thị H1 được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản như sau:

- 01 mảnh đất có diện tích 80m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 24 có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986157 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/3/2014 có tứ cận như sau: Phía Đông, Phía Bắc giáp hộ ông Lê Văn Hiền; Phía Tây Giáp đường Quốc lộ 32; Phía Nam giáp hộ anh Lê Văn H2 có trị giá là 1.200.000.000 đồng. trên đất không có tài sản gì.

- 01 xe máy SH biển kiểm soát 25T1-122.21 mang tên Phan Thị H1 có trị giá là 40.000.000 đồng.

Tổng Giá trị đất ở và tài sản chị H1 được chia có trị giá là 1.240.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng).

[2.4]. Về các khoản nợ chung Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về khoản vay anh H, chị H1 kê khai vay của anh Lê Văn H2, chị Nguyễn Mỹ H3 số tiền 1.890.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: khi anh H, chị H1 cưới nhau chị H1 chưa có công ăn, việc làm ổn định, một mình anh H là người đi làm chăm lo cuộc sống gia đình. Năm 2016, anh xây ngôi nhà 02 tầng có vay mượn em trai Lê Văn H2 số tiền 500.000.000 đồng; đến cuối năm 2019 anh tiếp tục vay của anh H2 số tiền 500.000.000 đồng, tổng cộng hai lần vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) cùng số tiền riêng của anh đi làm mà có. Tại thời điểm này, chị H1 còn đang học trung cấp mầm non tại Thành phố Lai Châu, toàn bộ tiền ăn, học của chị H1 do anh chu cấp. Tiếp đến năm 2020, do khoản vay ngân hàng nông nghiệp đến phân kỳ trả nợ anh chị lại vay tiếp số tiền 890.000.000 đồng nữa thông qua biên lai giao dịch do các bên giao nộp.

Đối với luận cứ bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Ph cho rằng khoản nợ giữa anh H, chị H1 và anh H2, chị H3 là giao dịch giả tạo nhằm tạo ra các khoản nợ để chị H1 trốn tránh trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thi hành án đối với chị Ph, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đây là khoản nợ chung. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều có mặt, việc vay mượn giữa vợ chồng anh với vợ chồng anh H2, chị H3 được lập thành văn bản, chị H1 thừa nhận, toàn bộ khoản nợ trên đều dùng vào mục đích xây nhà, làm

ăn, buôn bán, trả nợ ngân hàng thông qua các thời gian các năm 2016, 2019, 2020 đều phù hợp với thực tế, hơn nữa, đây là giao dịch dân sự, giao kết trên cơ sở tự nguyện không có sự ép buộc mục đích vay mượn tiền của các bên đã được làm rõ, hơn nữa do các bên là anh em trong nhà nên không có yêu cầu cầm cố hay tính lãi xuất gì. Do vậy, có cơ sở để xác định rằng đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng anh chị H H1 đối với anh H2, chị H3, nên anh H, chị H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Lê Văn H2, chị Nguyễn Mỹ H3 1.890.000.000 đồng. Anh H2, chị H3 không yêu cầu về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu việc xác định nợ riêng của chị H1 đối với chị Ph trong vụ án này Hội đồng xét xử thấy rằng: khoản nợ 2.177.000.000 đồng của chị H1 với chị Ph đã được Tòa án nhân dân huyện Than Uyên giải quyết bằng một quyết định đã có hiệu lực pháp luật, hơn nữa, anh H không có trách nhiệm với khoản nợ riêng này. Việc chị Nguyễn Thị Ph tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phần nghĩa vụ thi hành án giữa chị Ph và người phải thi hành án là chị H1. Đối với việc chị H1 vay mượn số tiền của chị Ph là khoản nợ riêng của chị H1, vụ việc đã được Tòa án nhân dân huyện Than Uyên thụ lý và giải quyết theo quyết định 04/2020/QĐST-DS ngày 21/5/2020 ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, vì vậy, Hội đồng xét xử không đánh giá và xem xét về khoản vay riêng của chị H1 và chị Ph trong vụ án này.

Đối với yêu cầu tiến hành chia tài sản chung vợ chồng anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1 một cách công bằng, khách quan dựa trên công sức đóng góp của các bên theo đúng quy định của pháp luật và không phán quyết việc ưu tiên thanh toán nợ chung trước khi thanh toán nợ riêng. Xét thấy, đề nghị có cơ sở, đảm bảo quyền lợi của các bên tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Than Uyên và Ngân hàng chính sách xã hội huyện Than Uyên, quá trình vay vốn giữa hai bên đã làm thủ tục đều hợp pháp nên đây là những khoản vay chung của hai vợ chồng. Hơn nữa, việc thế chấp tài sản tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn là tài sản Hội đồng xét xử đã giao cho anh H, vì vậy, Hội đồng xét xử phân chia như sau:

+ Giao cho anh Lê Văn H có nghĩa vụ trả khoản vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Than Uyên theo Hợp đồng tín dụng số 7805LAV201900601 ngày 01/4/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 7805LCL201900205 ngày 01/4/2019 anh H là người đứng tên vay, chị H1 là người thừa kế số tiền tính đến thời điểm xét xử là 860.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh.

+ Giao cho anh Lê Văn H có nghĩa vụ trả khoản vay tại Ngân hàng Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Than Uyên tại mã số vay vốn mã khách hàng số: 7090151137 ngày 23/01/2019 là 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh.

+ Giao cho anh Lê Văn H có nghĩa vụ trả khoản vay cho vợ chồng anh Lê Văn H2 số tiền tính đến thời điểm xét xử là 500.000.000 đồng tiền gốc do anh H2 không yêu cầu tiền lãi đối với vợ chồng anh chị.

Tổng số khoản vay chung anh H phải có trách nhiệm trả nợ là 1.410.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm mười triệu đồng).

+ Giao cho chị Phan Thị H1 có nghĩa vụ trả khoản vay cho vợ chồng anh Lê Văn H2 số tiền tính đến thời điểm xét xử là 1.390.000.000 đồng (một tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng) tiền gốc do anh H2 không yêu cầu tiền lãi đối với vợ chồng anh chị.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Căn cứ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 anh H, chị H1 đã thống nhất nộp chi phí xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và chi phí định giá tài sản là 3.140.000 đồng (Ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng). Xác nhận anh H đã nộp xong chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản và anh H không có yêu cầu chị H1 phải hoàn trả chi phí tố tụng nêu trên cho anh. Việc chịu thay chi phí tố tụng của anh H với chị H1 là tự nguyện nên Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: anh Lê Văn H phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về việc chia tài sản chung khi ly hôn. Tổng số tiền án phí anh H phải nộp là 57.075.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 43.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản chung có tranh chấp. Anh H còn phải nộp số tiền án phí còn lại là 13.375.000 đồng.

Chị Phan Thị H1 phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 49.200.000 đồng (bốn mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về việc chia tài sản chung khi ly hôn. Tổng số tiền án phí chị H1 phải nộp là 49.275.000 đồng. Chị H1 chưa nộp án phí.

[5]. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; các Điều 143, 147, 155, 156, 157, 158, 164, 165, 166, 227, 264, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 39, 213, 219, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 27; 33; 35; 37; 51; 53; 54; 55; 57; 58; 59; 62; 63; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn H

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Phan Thị H1.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Lê Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lê Bảo A, sinh ngày 23/11/2013 cho đến khi cháu Bảo Anh thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Giao cho chị Phan Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lê Thảo V, sinh ngày 10/7/2017 cho đến khi cháu V thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh H, chị H1 không có yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H, chị H1 cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung:

+ Giao cho anh Lê Văn H được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản như sau:

- Đất ở: Chiều rộng phía Nam giáp mặt đường dân sinh là 10m; Phía Đông giáp đất nhà chị Lê Thị H3 có chiều dài là 16,25m; độ dài cạnh phía Tây giáp nhà ông Lê Văn Hiền lần lượt là 14,9m và 1,62m; độ dài cạnh phía bắc giáp nhà ông Đỗ Phi Long lần lượt là 6,67m và 3,34m (Có sơ đồ kèm theo); Tổng diện tích đất là 151,7m², tại thửa số 111, tờ bản đồ số 24, đất có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986536 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/5/2015.

- Nhà ở: trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 3; 02 tầng, khung chịu lực, nhà riêng lẻ; kết cấu khung cột BTCT chịu lực; tường xây 220 gạch chỉ; mái bằng BTCT; móng bang giao thoa; chất lượng hoàn thiện bên trong và ngoài ở mức độ cao, chiều cao nhà từ 3,6m trở lên. Có đầy đủ phòng ăn, phòng khách, phòng ngủ, có khu WC (vệ sinh) riêng biệt, thiết bị lắp đồng bộ. tường trong ngoài lu sơn. Nền lát đá Granít hoặc gạch liên doanh cao cấp; Hệ thống điện chiếu sáng hoàn chỉnh; Hệ thống cầu thang ốp lát đá tự nhiên, lan can vịn tay hoàn chỉnh; Cửa gỗ, hoa sắt hoàn chỉnh.

Tổng Giá trị đất ở và nhà xây 02 tầng có trị giá là 1.500.000.000 đồng.

+ Giao cho chị Phan Thị H1 được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản như sau:

- 01 mảnh đất có diện tích 80m² thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 24 có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên, số sổ BP 986157 mang tên ông Lê Văn H và bà Phan Thị H1 được UBND huyện Than Uyên, Lai Châu cấp ngày 11/3/2014 có tứ cận như sau: Phía Đông, Phía Bắc giáp hộ ông Lê Văn Hiền; Phía Tây Giáp đường Quốc lộ 32; Phía Nam giáp hộ anh Lê Văn H2 có trị giá là 1.200.000.000 đồng. trên đất không có tài sản gì.

- 01 xe máy SH biển kiểm soát 25T1-122.21 mang tên Phan Thị H1 có trị giá là 40.000.000 đồng.

Tổng Giá trị đất ở và tài sản chị H1 được chia có trị giá là 1.240.000.000 đồng.

Anh H, chị H1 có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục để được đứng tên sử dụng đối với lô đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

Đối với chị Phan Thị H1 được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

4. Về công nợ chung:

+ Giao cho anh Lê Văn H có nghĩa vụ trả khoản vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Than Uyên theo Hợp đồng tín dụng số 7805LAV201900601 ngày 01/4/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 7805LCL201900205 ngày 01/4/2019 anh H là người đứng tên vay, chị H1 là người thừa kế số tiền tính đến thời điểm xét xử là 860.000.000 đồng tiền gốc và khoản lãi phát sinh.

Trường hợp anh H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 24 và tài sản gắn liền với đất là Nhà xây 02 tầng có địa chỉ tại khu 7b, thị trấn Than Uyên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7805LAV201900601 ngày 01/4/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 7805LCL201900205 ngày 01/4/2019 sẽ được xử lý tại giai đoạn thi hành án để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp nếu không đủ để trả nợ thì anh H phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

+ Giao cho anh Lê Văn H có nghĩa vụ trả khoản vay tại Ngân hàng Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Than Uyên tại mã số vay vốn mã khách hàng số: 7090151137 ngày 23/01/2019 là 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh.

+ Giao cho anh Lê Văn H có nghĩa vụ trả khoản vay cho vợ chồng anh Lê Văn H2, chị Nguyễn Mỹ H3 số tiền tính đến thời điểm xét xử là 500.000.000 đồng tiền gốc do anh H2, chị H3 không yêu cầu tiền lãi đối với vợ chồng anh chị.

Tổng số khoản vay chung anh H phải có trách nhiệm trả nợ là 1.410.000.000 đồng.

+ Giao cho chị Phan Thị H1 có nghĩa vụ trả khoản vay cho vợ chồng anh Lê Văn H2 số tiền tính đến thời điểm xét xử là 1.390.000.000 đồng tiền gốc do anh H2 không yêu cầu tiền lãi đối với vợ chồng anh chị.

5. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

+ *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản:* Căn cứ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 anh H, chị H1 đã thống nhất nộp chi phí xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) và chi phí định giá tài sản là **3.140.000 đồng** (*Ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*). Xác nhận anh H đã nộp xong chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản và không có yêu cầu chị H1 phải hoàn trả chi phí tố tụng nêu trên cho anh H.

+ *Án phí dân sự sơ thẩm:* anh Lê Văn H phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 57.000.000 đồng (*năm mươi bảy triệu đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về việc chia tài sản chung khi ly hôn. Tổng số tiền án phí anh H phải nộp là 57.075.000 đồng (*năm mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 43.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản chung có tranh chấp. Xác nhận Anh H đã nộp tạm ứng án phí là 43.700.000 đồng (*bốn mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng*) tại biên lai số AA/2016/0000212 ngày 14/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên nay chuyển thành án phí, anh H còn phải nộp số tiền án phí còn lại là 13.375.000 đồng.

Chị Phan Thị H1 phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 49.200.000 đồng (*bốn mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về việc chia tài sản chung khi ly hôn. Tổng số tiền án phí chị H1 phải nộp là 49.275.000 đồng (*bốn mươi chín triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Chị H1 chưa nộp án phí.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án xong khoản tiền phải thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đối với Ngân hàng NN&PTNT, Ngân hàng chính sách xã hội không áp dụng Điều luật này.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa Ph theo quy định./.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đình Công Vương

Hoàng Thị Luyện

Lương Thị Mỹ Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên (2b);
- Chi cục THA dân sự huyện Than Uyên;
- Các đương sự;
- UBND TT Than Uyên;
- Công bố trên Cổng TTĐT của Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị MỹH3

